

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
CAO SU QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 19 tháng 04 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

Mã chứng khoán: VHG

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 05103.947234

Fax: 05103.946333

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Khiếu Phương

Địa chỉ: Số 33 Đường An Thượng 6, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0966714682

Fax: 05103.946333

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*): Công bố Báo cáo thường niên năm 2015

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19.04.2016 tại đường dẫn:

<http://qnr.vn/news/89-bao-cao-thuong-nien-2015#v>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và
các tài liệu có liên quan

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**KẾ TOÁN TRƯỞNG
Lê Khiếu Phương**



QUANGNAM

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2015**
annual report

www.qnr.vn



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2015
annual report**

www.qnr.vn

I. Thông tin chung.....	4
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	11
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	21
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	25
V. Quản trị công ty.....	28
VI. Báo cáo tài chính.....	33

I. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa quý cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng!

Năm 2015 Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, dù tình hình kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn nhưng kết quả cả năm 2015 vẫn rất đáng ghi nhận. Tổng doanh thu hơn 735 tỷ đồng đạt 77% so với kế hoạch đặt ra, bằng 156% so với con số của năm 2014. Đó là thành quả đáng tự hào, là phần thưởng xứng đáng cho những nỗ lực không biết mệt mỏi của toàn thể ban lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên của Công ty.

Trong năm vừa qua, dự án hơn 13.000 ha cao su đang tiếp tục đi vào khai thác mang lại nguồn thu lớn cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty tiến hành thực hiện chuyển nhượng các Dự án lớn như dự án khu nghỉ dưỡng khu vực biển Non Nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha; dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng đem lại nguồn lợi lớn cho công ty.

Trong giai đoạn tiếp theo, bám sát chiến lược phát triển của ĐHQĐ Cao su Quảng Nam 2014 và 2015, cùng với quá trình chuẩn bị vùng nguyên liệu đã được hoạch định và thực hiện từ nhiều năm qua, Công ty cổ phần đầu tư Cao su Quảng Nam xác định hướng đi chính sẽ là sản xuất các sản phẩm từ cao su thiên nhiên. Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp sản phẩm thô, Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển, chế biến sâu các sản phẩm cao su, hướng tới việc xây dựng một chu trình sản xuất với chuỗi cung ứng khép kín, bền vững, mang lại nguồn thu nhập ổn định và lâu dài cho Cao su Quảng Nam. Bên cạnh đó, Cao su Quảng Nam vẫn sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động kinh doanh các sản phẩm truyền thống là khai thác khoáng sản, chế biến vật liệu xây dựng cũng như xây dựng hạ tầng, đáp ứng đòi hỏi hiện đại hóa và phát triển du lịch của miền Trung Việt Nam.

Nhìn lại chặng đường đầy khó khăn đã vượt qua, cá nhân tôi và tập thể Cao su Quảng Nam cảm nhận sâu sắc giá trị của sự chỉ đạo sâu sát, sự giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi trong công việc của lãnh đạo Thành Ủy, các Sở ban ngành tỉnh Quảng Nam. Biết ơn sự quan tâm, hỗ trợ thường xuyên của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông lớn, đã tin tưởng, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, giúp đỡ Cao su Quảng Nam để điều hành linh hoạt, thực hiện chiến lược thành công, phù hợp với sự mong đợi của các nhà đầu tư và quý khách hàng.

Ban lãnh đạo và toàn thể tập thể Cao su Quảng Nam xin được hướng tới năm 2016 và nhiệm kỳ 2016 – 2020 bằng một lời hứa thành công – một niềm tin thắng lợi!

Chủ tịch HĐQT

Trần Xuân Hiếu

II. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
Tên tiếng Anh: QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JSC
Trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 84.510.3946 345
Fax: 84.510.3946 333
Website: www.qnr.vn

Logo Công ty:



QUANGNAM

Giấy chứng nhận ĐKK Số 4000386181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2003; đăng ký thay đổi lần 15 ngày 25/11/2014

Vốn điều lệ đăng ký: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

Mã cổ phiếu: VHG

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 2003:** Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập.
- **Năm 2004:** Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE
- **Năm 2005:** Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- **Năm 2006:** Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2007:**
 - + Nhà máy cáp viễn thông đạt công suất 3.000.000 km đôi/năm
 - + Khánh thành giai đoạn 1 nhà máy dây và cáp điện (VPC)
 - + Khánh thành nhà máy cáp quang (OFC)

- + Mua lại CTCP nhựa Việt-Hàn, đầu tư NM sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh.
- + Indochina Capital thành nhà đầu tư chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
- + PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
- + VNR-Top 500 Company xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam

- Năm 2008

- + Tháng 01/2008: 28/01, cổ phiếu VHG thức giao dịch trên sàn HOSE
- + Tháng 03/2008: Khánh thành nhà máy sản xuất sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh FRP
- + Tháng 04/2008: Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu tại Quảng Nam (VMC)
- + Tháng 05/2008: Hoàn tất dự án đầu tư giai đoạn 2 cho Nhà máy VPC và VPF
- + Tháng 11/2008: Triển khai dự án trồng 4.115 ha cao su tại Quảng Nam
- + Tháng 12/2008: Sở hữu đất dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng
- + VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam

- Năm 2009

- + Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) công suất 80 triệu SP/năm
- + Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'everlyn tower.
- + Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m³

- Năm 2010

- + Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản, theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu XD cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu..
- + Tháng 06/2010: Nghiên cứu mở rộng thêm 9.000 ha trồng cây cao su tại tỉnh Quảng Nam
- + Tháng 09/2010: Triển khai các hạng mục thí nghiệm để hoàn chỉnh TKKTTC và chuẩn bị cho việc khởi công cao ốc D'everlyn tại 09 Lê Duẩn Tp Đà Nẵng
- + Tháng 11/2010: chia tách nhà máy nhựa và sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (VPF) thành hai nhà máy (1) Nhà máy vật liệu Composit VCC (2) Nhà máy ống nhựa VPP; nhằm tập trung cho sự phát triển chiều sâu của 2 dòng sản phẩm này.
- + Tháng 12/2010: Đầu tư vào dự án bất động sản nghỉ dưỡng khu vực biển Non nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha

- Năm 2011

- + Tháng 1/2011: Hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy composite.
- + Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4.115 ha lên 13.300 ha.

- + Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5,3 ha.
- **Năm 2012:** Tháng 06/2012: Thành viên Hiệp hội cao su Việt Nam
- **Năm 2013:**
 - + Phát triển và mở rộng diện tích trồng cây cao su đạt 13.303 ha
 - + Thực hiện tái cơ cấu toàn bộ hoạt động của Công ty, tăng vốn điều lệ lên 375 tỷ đồng.
 - + Thành lập các Công ty con về khai thác khoáng sản và xây dựng hạ tầng, chế biến sản phẩm cao su
- **Năm 2014:**
 - + Quy hoạch lại các diện tích cao su tiêu điền và cao su nông trường quy mô lớn; triển khai các hoạt động hỗ trợ định hướng phát triển công nghiệp chế biến sâu cao su.
 - + Tháng 09/2014, Công ty tái cấu trúc đổi tên thành **Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam**, nâng vốn điều lệ lên 750 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động được tập trung triển khai các dự án: trồng và khai thác 13.300 ha diện tích cao su tại tỉnh Quảng Nam; dự án khu nghỉ dưỡng khu vực biển Non Nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha; dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng...
- **Năm 2015:**
 - + Thực hiện chuyển nhượng các Dự án lớn như dự án khu nghỉ dưỡng khu vực biển Non Nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha; dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng đem lại nguồn lợi lớn cho công ty .
 - + Tháng 8/2015, Công ty thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động được tập trung triển khai các dự án: trồng và khai thác 13.300 ha diện tích cao su tại tỉnh Quảng Nam; đầu tư góp vốn liên kết vào các công ty cùng ngành, bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty...

2.2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- + Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- + Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- + Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, các sản phẩm nhựa PVC, composite và các sản phẩm);
- + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

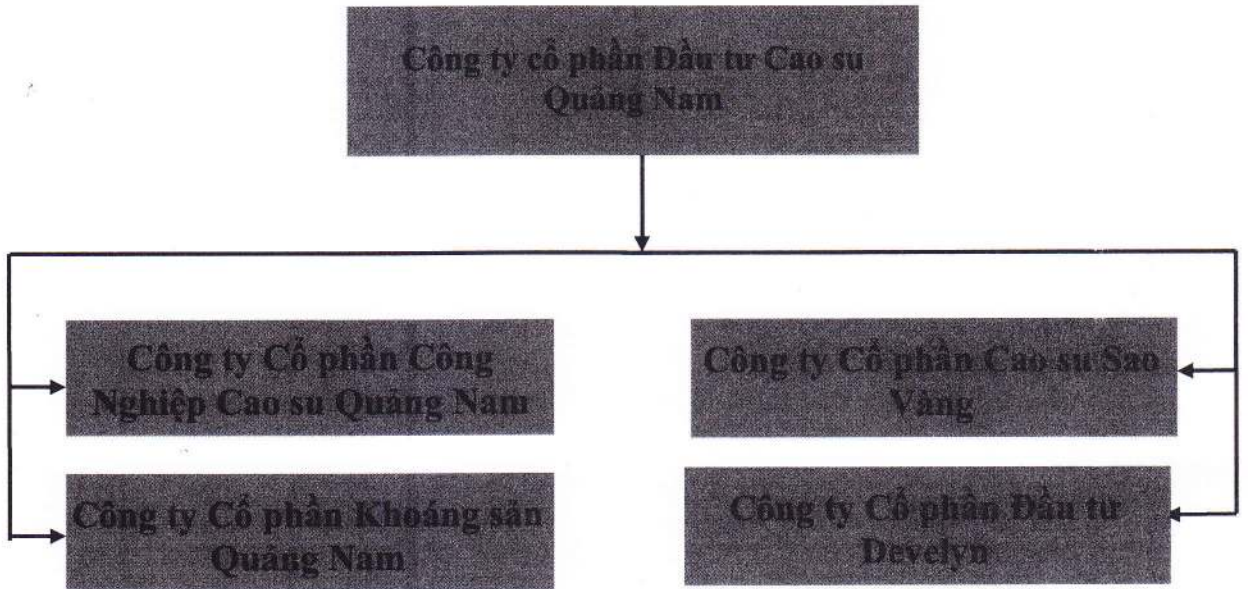
- + Trồng cây cao su;
- + Khai thác gỗ;
- + Khai thác quặng đồng;
- + Khai thác quặng sắt;
- + Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- + Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- + Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- + Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- + Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- + Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- + Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- + Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- + Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- + Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- + Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- + Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- + Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- + Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- + Bán buôn giấy các loại;
- + Hoạt động viễn thông có dây;
- + Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- + Hoạt động viễn thông không dây;
- + Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - + Trồng cây cao su;
 - + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
 - + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

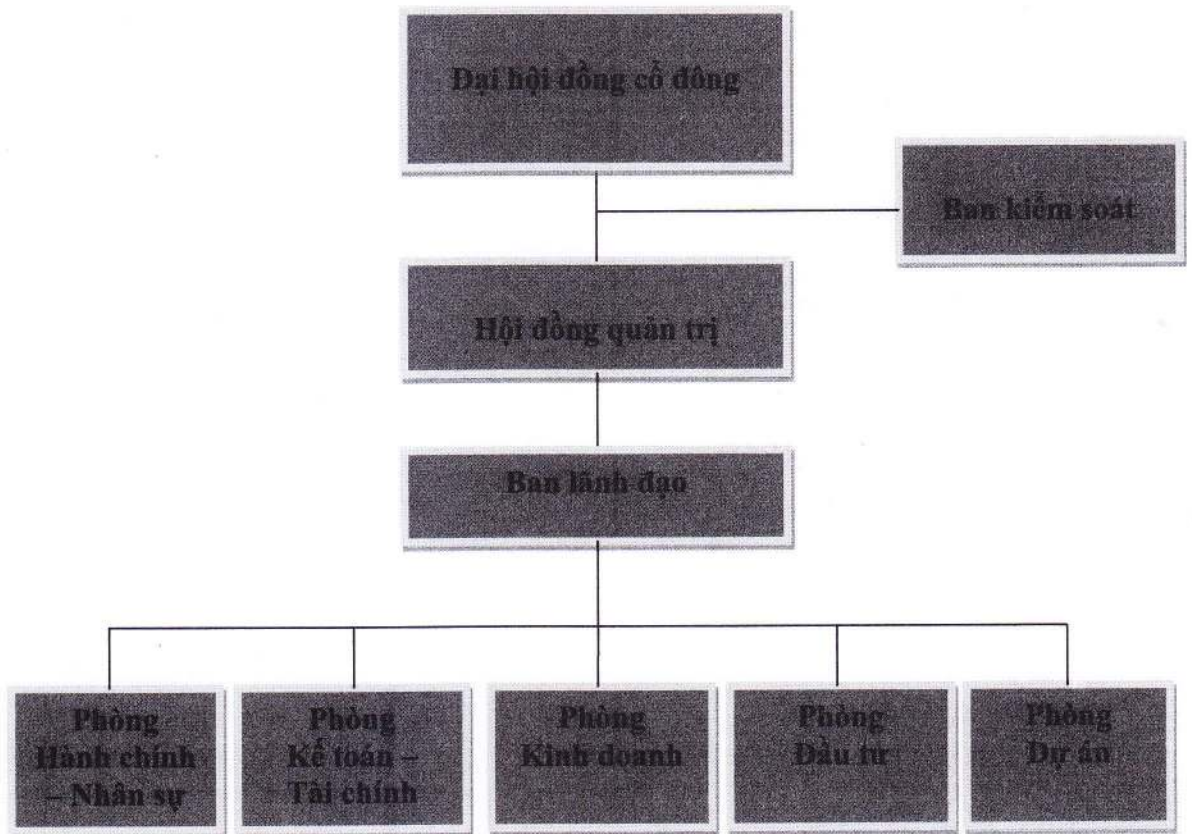
3.1. Mô hình hoạt động, tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức của Công ty



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



3.3. Các công ty con, liên kết

3.3.1 Công ty con:

Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Nam

- Địa chỉ: Khu B Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 75%

Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 95%

3.3.2 Công ty liên kết:

Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 182,249,940,000 (Một trăm tám mươi hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 20%

Công ty cổ phần Đầu tư Develyn

- Địa chỉ: Số 9 Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 49%

III. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả cả năm 2015, Tổng Doanh thu, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác hơn 735 tỷ đồng đạt mức 77% kế hoạch đặt ra; bằng 156% so với năm 2014 và lĩnh vực cao su đóng góp chủ yếu vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2015.

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Chênh lệch năm 2014 so với năm 2013
1	Tổng tài sản	1,071,969,733,053	1,888,097,354,689	816,127,621,636
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	469,464,515,876	735,347,351,035	265,882,835,159
3	Lợi nhuận sau thuế	91,066,228,272	75,574,493,506	-15,491,734,766
4	EPS	1,774	701	-1.073

Doanh thu Công ty đạt 77% so với kế hoạch 950 tỷ; Lợi nhuận đạt 33% so với kế hoạch 225 tỷ đã đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2015.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

▪ Ông Vũ Anh Tuấn – Tổng Giám đốc

Họ và tên: Vũ Anh Tuấn
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 08/05/1969
Nơi sinh: Bách Thuận, Vũ Thư, Thái Bình
CMND: 151189270, cấp ngày 08/07/2009, tại CA Thái Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 37 Phan Bá Vành, P. Kỳ Bá, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Điện thoại: 0510 3946 345
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Mỏ- Địa chất
Quá trình công tác:

1992 - 2000:	Công ty Vật tư tổng hợp Thái Bình
2001 - 2005:	Trưởng phòng quản lý dự án tại Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình
2006 - 2013:	Phó Giám đốc Công ty CP XNK và giao nhận Toàn Cầu
2014 -2015:	Phó Giám đốc CTCP Công nghiệp Cao Su Quảng Nam Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam kiêm Tổng Giám đốc Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam
Chức vụ hiện nay	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	100.000 cổ phần (tương ứng 0,07% vốn điều lệ)
<i>Trong đó:</i>	
+ Sở hữu cá nhân:	100.000 cổ phần (tương ứng 0,07% vốn điều lệ)
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không có

▪ **Ông Lê Khiếu Phương – Kế toán trưởng**

Họ và tên:	Lê Khiếu Phương
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/04/1977
Nơi sinh:	Nghệ An
CMND:	011893335 do CA Hà Nội cấp ngày 04/04/2013
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	114 Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại:	0510 3946 345
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	
- 2000-2001	Kế toán hãng Kodak
- 2002 -2004	Kế toán trạm trộn bê tông – TCT XD Sông Đà
- 2005-2007	Kế toán trưởng Xi nghiệp xây lắp Na Hang
- 2008-2012	Kế toán trưởng BQL KCN Yên Phong II

Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	0 cổ phiếu
<i>Trong đó:</i>	
+ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	0 cổ phiếu

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên

Năm 2015, VHG đã liên tục đánh giá lại nguồn nhân lực, sắp xếp và cải tổ lại toàn bộ hệ thống. VHG đã phát triển toàn diện hệ thống ISO 9001:2008 trong tất cả các tổ chức nội bộ, áp dụng quản trị theo công nghệ thông tin hiện đại. Nguồn nhân lực đã thay đổi mạnh trong năm, đa phần lao động đều tâm huyết, gắn bó và chia sẻ những khó khăn chung.

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng số lao động của VHG là 38 người, trong đó:

Loại lao động	Số lượng(người)
Phân theo giới tính	38
❖ Nam	34
❖ Nữ	04
Phân theo trình độ học vấn	37
❖ Trình độ đại học và trên đại học	09
❖ Trình độ cao đẳng và trung cấp	10
❖ Đối tượng khác	19

Chính sách đối với người lao động

Công ty áp dụng các luật, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với Luật lao động, đảm bảo các chính sách cơ bản, ký kết hợp đồng lao động, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc, thâm niên... và các chính sách khác theo chế độ dành cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ban lãnh đạo luôn xác định và định hướng con người luôn là nhân tố quan trọng nhất của công ty trong quá trình phát triển. Chính vì thế chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty luôn là động lực tạo ra sự gắn kết người lao động và sự phát triển lâu dài và bền vững của công ty.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện quy trình tuyển dụng và kế hoạch đào tạo nhân sự. Do đó người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty nắm bắt và hòa nhập nhanh chóng vào môi trường làm việc. Hơn nữa, lãnh đạo Công ty có chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý. Đồng thời, kinh phí đào tạo cũng được dự trù hàng năm trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội & Bảo hiểm Y tế và trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định của Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo văn bản thỏa ước lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- Nghiên cứu và phát triển lĩnh vực mới cũng như các lĩnh vực hiện có.
 - o Công ty đã góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Trường Lợi khai thác mỏ đá ở Hà Tĩnh với tỷ lệ phân chia lợi nhuận 69.5% và 30.5% dự kiến sẽ mang lại lợi ích to lớn trong tương lai.
 - o Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su theo quy trình chuẩn. Nghiên cứu các giống cây cao su mới cho năng suất cao và phù hợp với thổ nhưỡng và địa hình của địa phương.
 - o Các hoạt động sản xuất cấp, nhựa VHG sẽ chuyển hướng sang hoạt động thương mại, thực hiện các Hợp đồng dự án lớn; Làm mới thị trường đầu ra đẩy mạnh sức bán hàng; Tăng cao năng lực cạnh tranh
 - o Năm 2013, 2014 Công ty chú trọng vào dự án Trồng cây cao su: do xác lập thủ tục quyền sử dụng đất kéo dài từ chính quyền địa phương nên trong năm vẫn chưa phát triển thêm diện tích đất cho dự án (kế hoạch 2013 sẽ chuyển sang 2014, 2015, tổng diện tích quy hoạch của dự án là 13.303 ha). Trong năm tập trung đầu tư hạ tầng, chăm sóc và nâng cao chất lượng vườn cây, tiến hành rà soát và đúc kết kinh nghiệm làm cơ sở cho việc triển khai đồng loạt dự án cho các năm sau. Công ty đã trồng thêm được trên gần 100ha cao su trong năm 2015. Đây là hoạt động chính trong định hướng phát triển mới của Công ty.
 - o Năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện quy hoạch lại các diện tích cao su tiểu điền và cao su nông trường quy mô lớn, tiếp tục mở rộng và mua lại các diện tích cao su ở khu vực Quảng Nam Đà Nẵng và Tây Nguyên. Triển khai các hoạt động hỗ trợ định hướng phát triển công nghiệp chế biến sâu cao su, đẩy mạnh công tác phát triển hạ tầng, xây dựng nhà máy chế biến cao su và các dự án công trình phục vụ du lịch tại Đà Nẵng.
- Dừng, giãn tiến độ, lựa chọn đầu tư có trọng tâm: Do tình hình thị trường có nhiều thay đổi, VHG đã chuyển nhượng các dự án bất động sản và hạ tầng: dự án D'EVELYN BEACH (Công ty con Quê Việt-Quảng Nam là chủ đầu tư) và dự án số 09 Lê Duẩn Yên Bái mang lại nguồn lợi không nhỏ cho Công ty. Tiếp tục đàm phán thanh lý các hợp đồng

hợp tác với Handic, đối tác Hacisco; đồng thời lập thủ tục chuyển trả dự án cụm công nghiệp dịch vụ An Lưu (Quảng Nam) thu hồi vốn.

- Tình hình nhân sự: Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, thay đổi bổ nhiệm mới nhiều vị trí chủ chốt trong Ban lãnh đạo, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả, đồng thời giảm chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo; đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

▪ Công ty con:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000931126 ngày 30/05/2013 và Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 22/04/2015.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam.
- + Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác quặng sắt, sản xuất vật liệu từ đất sét.
- + Vốn điều lệ: 80 tỷ trong đó Cao su Quảng Nam nắm giữ 75%.

- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939100 ngày 30/09/2013 và chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 06/04/2015
- + Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- + Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất sản phẩm cao su và các sản phẩm khác từ cao su.
- + Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng trong đó VHG nắm giữ 98,66% vốn điều lệ.

▪ Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100625
- + Địa chỉ trụ sở chính: 231 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- + Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình công ích, lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, vận tải hành khách.

- + Vốn điều lệ: 182,249,940,000 (Một trăm tám mươi hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) trong đó VHG nắm giữ 20%.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Develyn

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401648045 ngày 23/12/2014
- + Địa chỉ trụ sở chính: Số 09 Lê Duẩn, phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- + Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình công ích, lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, vận tải hành khách.
- + Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng trong đó Cao su Quảng Nam nắm giữ 49%.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	1,888,097	1,071,970	76.13%
2. Doanh thu thuần	659,671	394,873	67.06%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	85,859	59,739	43.72%
4. Lợi nhuận khác	-1,068	38,990	-102.74%
5. Lợi nhuận trước thuế	84,790	98,730	-14.12%
6. Lợi nhuận sau thuế	83,002	91,066	-8.86%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (% vốn điều lệ)	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2015 – VHG)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,49	7.7
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,49	7.55
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11,83%	9.14%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	14,09%	10.06%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	227,13	52.85

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015
Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,48	0.45
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	23,06%	11.46%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	10,11%	5.68%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	11,14%	5.10%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,13%	13.02%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	1.774	701

(Nguồn: VHG)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 150.000.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 150.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan: Không có

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/10/2014

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	5,537	149,103,685	1,491,036,850,000	99.40%
1	Cổ đông tổ chức	36	30,104,499	301,044,990,000	20.19%
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	5,501	118,999,186	1,189,991,860,000	79.81%
II	Cổ đông nước ngoài	47	896,315	8,963,150,000	0.60%
1	Cổ đông tổ chức	4	29,110	291,100,000	3.25%
2	Cổ đông cá nhân	43	867,205	8,672,050,000	96.75%
	Tổng cộng	5,584	150,000,000	1,500,000,000,000	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 750 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 30/VHG-NQ/ĐHCD ngày 30/06/2015.

- Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành: 75.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 75.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 1.500.000.000 cổ phần

Ngày 21/08/2015, Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh đã có quyết định số 02/2008/GCNCP-VSD-4 về việc chấp thuận cho Công ty niêm yết bổ sung 75.000.000 cổ phiếu phát hành thêm này, Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 1.500.000.000 cổ phần nâng mức vốn điều lệ của Công ty lên 1.500 tỷ đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 58/2015/NQ-HĐQT ngày 17/09/2015 Thông qua việc mua lại cổ phiếu quỹ năm 2015 trong đó số lượng dự kiến mua là 5.000.000 cổ phiếu và công ty đã thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ với số lượng: 4.010.230 cổ phiếu với tổng giá trị mua là : 32.582.949.816 đồng.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 Công ty tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc toàn diện chiến lược phát triển theo định hướng mới. Đến thời điểm hiện tại, việc tái cấu trúc cơ bản đã hoàn thành và bước đầu đạt được những kết quả tốt, như:

- Tiếp tục bán và thanh lý các tài sản trước đây không tạo ra dòng tiền, không hiệu quả, chuyển hướng đầu tư kinh doanh và tập trung vào các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.
- Chuyển biến mạnh mẽ từ việc Công ty không có dòng tiền đến việc thanh khoản rất tốt tại thời điểm hiện tại, và đặc biệt, Công ty mới hoàn thành việc huy động vốn và có nguồn tiền mặt gần 750 tỷ đồng.
- Liên tục trả nợ vay ngân hàng, giảm chi phí tài chính hiện tại Công ty đã thanh toán toàn bộ nợ vay ngân hàng.
- Tiếp tục tinh giảm bộ máy làm cho chi phí quản lý của Công ty giảm đi đáng kể góp phần không nhỏ vào việc gia tăng lợi nhuận trong năm 2015 .

- Đẩy mạnh và tăng cường công tác thu hồi nợ và áp dụng các biện pháp cứng rắn xử lý dứt điểm các khoản nợ khó đòi. Tăng cường quản trị nội bộ, gia tăng các biện pháp giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý.
- Công ty hiện đang sở hữu lượng tiền mặt lớn, lợi thế để thực hiện các thương vụ M&A trong lúc giá được xác lập ở vùng đáy của thị trường cao su và thực hiện các chiến lược khác hiện có của Công ty. Theo đánh giá của VHG, cũng như tham khảo từ các công ty trong ngành, giá cao su hiện nay đang trong vùng đáy, giá cao su thấp nên một số khu vực, người dân đã phá bỏ cây cao su, vì thế, diện tích trồng và thu hoạch giảm nhanh chóng. Chính vì thế, VHG định hướng sang thực hiện M&A một số doanh nghiệp cao su có hiệu quả cao. Theo đánh giá của một số tổ chức tư vấn, chi phí thực hiện M&A doanh nghiệp cao su này còn rẻ hơn so với việc trồng mới (theo ước tính, có những thương vụ, chi phí có thể chỉ bằng khoảng 70 - 80% so với việc trồng mới). Ngoài ra chưa tính tới chi phí cơ hội và việc có thể tạo ngay dòng tiền ngắn hạn. Theo đó, thời gian tới, rõ ràng khi giá cao su hồi phục, đương nhiên sẽ đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận chung của Công ty. Diện tích cao su trước đây được trồng mới hàng năm, theo đó diện tích cây cao su đủ tuổi khai thác hàng năm sẽ tiếp tục được bổ sung vào diện tích khai thác chung của Công ty. Đến thời điểm này, VHG đã trở thành cổ đông lớn của CTCP Cao su Sao Vàng (SRC). Thành công từ hoạt động M&A này sẽ giúp VHG đi tắt đón đầu trong khi thị trường cao su đang chạm đáy.

Kết quả hợp nhất cả năm 2015, Tổng Doanh thu, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác gần 735 tỷ đồng đạt mức hơn 77% kế hoạch đặt ra; bằng 156% so với năm 2014, chưa kể đến viện chuyển nhượng dự án Bất động sản theo kế hoạch do kỳ vọng mức giá chuyển nhượng tốt hơn trong năm 2016.

Có thể nói đó là kết quả khá ấn tượng, những con số trên đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng nghỉ cán bộ công nhân viên VHG trong việc nhận định thị trường và ra quyết định trong nền kinh tế còn nhiều biến động và tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2015 là 1,071.96 tỷ đồng, tăng 90.4% so với năm 2013. Nguyên nhân là do trong năm công ty đã hoàn thành việc huy động vốn thêm 375 tỷ đồng, chuyển nhượng tài sản đầu tư không hiệu quả hoặc không phù hợp, thu hồi vốn, tập trung vốn theo định hướng kinh doanh mới.

Các khoản nợ xấu của Công ty hiện nay phần lớn là các khoản nợ vừa và nhỏ. Công ty đang tích cực thu thu hồi nợ, sử dụng mọi công cụ có thể có như đàm phán, sử dụng quan hệ, pháp lý.... Khả năng thu hồi nợ xấu là khoảng 70%.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014 (VND)	31/12/2015 (VND)
I	Tài sản ngắn hạn	442,270	1,324,934
1	Tiền	70,310	23,255
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	13,252	9,610
3	Phải thu	342,847	900,358
4	Hàng tồn kho	2,389	21375
5	Tài sản ngắn hạn khác	13,471	3,335
II	Tài sản dài hạn	595,573	563,162
1	- Phải thu dài hạn	658	69,500
2	- Tài sản cố định	180,858	181,560
3	- Bất động sản đầu tư	91,231	0
4	- Đầu tư tài chính dài hạn	259,703	312,101
5	- Tài sản dài hạn khác	97,247	0
	Tổng tài sản	1,071,969	1,888,097

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015
I	Nợ ngắn hạn	126.832	172.088
1	Vay và nợ ngắn hạn	64.206	59.496
2	Phải trả người bán	43.952	2.749
3	Người mua trả tiền trước	4.530	96.972
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	11.950	9.213
5	Phải trả người lao động	522	767
6	Chi phí phải trả	953	150
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	697	2.236
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	22	503
II	Nợ dài hạn	-	-
1	Vay và nợ dài hạn	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	-	-
	Tổng cộng	126.832	172.612

Công ty thực hiện tái cấu trúc tài chính, tăng cường công tác thu hồi nợ và thanh lý, chuyển nhượng tài sản, cải thiện dòng tiền Công ty.

Liên tục trả nợ vay ngân hàng, giảm chi phí tài chính hiện tại, Công ty đã thanh toán toàn bộ nợ vay ngân hàng

Năm 2015, phần vay ngắn hạn còn lại chủ yếu từ vay ký quỹ Công ty chứng khoán, tình hình tài chính Công ty đến nay đã trở nên lành mạnh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, thay đổi bổ nhiệm mới nhiều vị trí chủ chốt trong Ban Giám đốc, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả. Đồng thời giảm đáng kể chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo; đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới, góp phần nâng cao hiệu quả và tăng tỷ suất lợi nhuận năm 2015

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

❖ Trong ngắn hạn:

- Tập trung đầu tư theo định hướng kinh doanh mới, lấy lĩnh vực cao su là lĩnh vực hoạt động chính.
- Công ty tập trung vào phát triển các diện tích tiểu điền, và hiện tại chưa tập trung trồng mới, chỉ khôi phục các diện tích cao su cũ của Công ty. Thực hiện M&A các công ty cao su trong khu vực đang có diện tích thu hoạch mù cao su để cùng với diện tích cao su của Công ty tạo ngay dòng tiền ngắn hạn từ việc bán mù cao su.
- Hiện công ty đang làm việc với một số đối tác lớn của nước ngoài để có kế hoạch liên kết xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ mù cao su để tận dụng được nguồn cung cấp cao su tự nhiên của Công ty và các khu vực miền Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
- Hoạt động thương mại: Với 10 năm hoạt động trên thị trường cáp viễn thông, VHG đã tạo lập được hình ảnh về doanh nghiệp hàng đầu cung cấp các sản phẩm viễn thông (cáp quang; dây và cáp điện; nhựa; các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh) cho các đối tác lớn như ViettelNet, ViettelGlobal,... Tận dụng lợi thế đã có này, Cao su Quảng Nam sẽ tiếp tục thực hiện phân phối, cung cấp các sản phẩm này cho các dự án trong khu vực và vùng lân cận cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ ra nước ngoài. Trong năm 2015, Công ty tiếp tục bổ sung nguồn vốn lưu động cho việc mở rộng sang lĩnh vực phân phối phân bón, hóa chất,... và đạt được những thành công lớn. Dự kiến trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, phân phối sản phẩm, đồng thời cung cấp thêm các loại hàng hóa khác.

❖ Trong trung và dài hạn:

- Công ty sẽ tiếp tục thu về dòng tiền từ hoạt động thoái vốn đầu tư từ dự án bất động sản
- Xây dựng nhà máy chế biến và sản xuất mù cao su tại Đông Giang (vùng cao su của Công ty) và một nhà máy tại Tây Nguyên nhằm tập trung chế biến và kinh doanh cao su tự nhiên, tạo dòng tiền ổn định cho Công ty.
- Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vốn lưu động mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, phân phối sản phẩm trong lĩnh vực phân bón, hóa chất, đồng thời cung cấp thêm các loại hàng hóa khác
- Hoạt động khoáng sản: đẩy mạnh quá trình đàm phán, tập trung xin mỏ, đặc biệt là mỏ đá, cát; nhằm chủ động nguồn đầu vào đá và cát phục vụ hỗ trợ hoạt động thi công xây dựng hạ tầng, khu Công nghiệp và đường giao thông nhằm triển khai thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của quốc gia và trong khu vực miền Trung như các dự án làm đường cao tốc, dự án cấp thoát nước, các dự án hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp... nhằm đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa, áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục xây

dựng và phát triển môi trường môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên công ty. Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn. Xây dựng kế hoạch và kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống (công ty mẹ và công ty con) nhằm hoạt động đồng bộ, khai thác tối đa ưu thế nguồn nhân lực

❖ **Kế hoạch kinh doanh năm 2016**

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	Kế hoạch (triệu VND)	% tăng giảm so với năm 2015
Vốn điều lệ (*)	1.500.000	100%
Tổng doanh thu	700.000	96,15%
Lợi nhuận sau thuế	50.000	66,67%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,14%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân	3,33%	-
Cổ tức	5%	-

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2016**

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Trong giai đoạn 2016 - 2017, Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào chăm sóc và trồng mới cây cao su với diện tích hơn 13,303 ha và tăng mạnh diện tích khai thác cao su đến tuổi thu hoạch. Đồng thời, tiến hành mua thêm các diện tích cao su tại phía Nam Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên. Cao su Quảng Nam sẽ tiến hành triển khai định hướng phát triển sản phẩm cao su có giá trị cao thay thế sản phẩm truyền thống là mủ cao su tự nhiên.

Năm 2014, VHG đã mở rộng hoạt động kinh doanh của mình sang lĩnh vực thương mại. Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, phân phối sản phẩm tại khu vực mới, đồng thời cung cấp thêm các loại hàng hóa khác.

Trong năm tới, VHG cũng tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng việc tham gia đấu thầu thực hiện các dự án trọng điểm của thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận. Cũng trong giai đoạn này, việc chuyển nhượng phần còn lại dự án D'Evelyn số 09 Lê Duẩn cũng sẽ đóng góp đáng kể vào Doanh thu và Lợi nhuận của Công ty. Cùng với đó, việc bắt đầu đi vào khai thác mỏ đá tại Bình Định sẽ giúp Công ty có thêm nguồn Doanh thu và Lợi nhuận ổn định trong thời gian tới.

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế. Tốc độ khôi phục nền kinh tế không nhanh như kỳ vọng. Lạm phát đã được kiểm soát nhưng còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng lại. Tín dụng cho nền kinh tế tăng chậm, khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp còn bị hạn chế.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực bám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. Kết quả kinh doanh này đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng của cán bộ công nhân viên VHG trong quá trình thực hiện tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm công tác HĐQT đã giao, phân quyền chủ động kinh doanh cho TGD và ban GD các Công ty con, dự án theo chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể;

Các công ty con, dự án đã giữ vững được sản xuất, nỗ lực cố gắng theo đuổi để hoàn thành các mục tiêu của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp nhân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện cơ bản đúng theo quy định;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mặc dù đã có những dấu hiệu cải thiện tích cực nhưng nền kinh tế năm 2015 vẫn tiếp tục phải đối mặt với những thách thức, khó khăn từ những bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài từ những giai đoạn trước.

Nhằm tiếp tục thực hiện thành công kế hoạch tái cấu trúc toàn diện Công ty, trong thời gian tới, Hội đồng quản trị sẽ tập trung:

a. Bộ máy quản lý

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa; áp dụng công nghệ thông tin vào trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời tiếp tục xây dựng và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên Công ty;
- Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn;
- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống (công ty mẹ và công ty con) nhằm hoạt động đồng bộ, khai thác tối đa ưu thế nguồn nhân lực.

b. Nguồn nhân lực

- Có chính sách mạnh dạn thay đổi và thu hút nguồn lãnh đạo cao cấp có trình độ và năng lực;
- Có chính sách bắt buộc đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận;
- Có cơ chế thưởng phạt, cam kết và chịu trách nhiệm cá nhân trước Công ty về kết quả SXKD của các GD.

c. Các vấn đề khác

- Tăng cường quan hệ với đối tác bạn hàng quan trọng để tận dụng các cơ hội kinh doanh.
- Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo và hiệu quả. Xây dựng thương hiệu Việt hàn vững mạnh trên thị trường, lấy lại vị thế Công ty là công ty chủ chốt ở Miền Trung.

VI. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ VĐL
			Cá nhân	Đại diện	
1	Ông Phạm Dũng Tiến	Nguyên Chủ Tịch	200.000	0	5.88%
2	Ông Nguyễn Ga Nốp	Nguyên Ủy Viên	0	0	35.29%
3	Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Nguyên Ủy Viên	2.250	0	94.12%
4	Ông Trần Xuân Hiếu	Chủ Tịch, TGD	0	0	100%
5	Ông Nguyễn Thắng Lợi	Ủy Viên			100%
6	Ông Khuất Duy Tiến	Ủy Viên			58.82%
7	Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy Viên			58.82%

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	03/NQ-VHG	27/01/2015	- V/v Miễn nhiệm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
02	06/NQ-VHG	03/03/2015	- V/v Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc

03	08/2015/QĐ-HĐQT	03/03/2015	- V/v Triển khai phương án phát hàng cổ phiếu.
04	10/2015/QĐ-HĐQT	12/03/2015	- V/v Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng.
05	18/2015/QĐ-HĐQT	17/04/2015	- V/v Triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2015: "Thông qua tiêu chí lựa chọn công ty thực hiện đầu tư góp vốn liên doanh".
06	23/2015/NQ-HĐQT	05/05/2015	- V/v thông qua kế hoạch thực hiện quyền mua cổ phiếu.
07	27/2015/NQ-HĐQT	08/05/2015	- V/v Tricju tập hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
08	32/2015/NQ-HĐQT	30/06/2015	- V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC và ký kết Hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2015.
09	35/2015/NQ-HĐQT	16/07/2015	- V/v Xin gia hạn việc chào bán chứng khoán.
10	38/2015/NQ-HĐQT	22/07/2015	- V/v Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa chào bán hết
11	39B/2015/NQ-HĐQT	24/07/2015	- V/v Lựa chọn đối tượng chào bán số cổ phần chào bán ra công chúng chưa phân phối hết.
12	43/2015/NQ-HĐQT	07/08/2015	- V/v Thông qua kết quả đợt phát hàng tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng năm 2015.
13	54/2015/NQ-HĐQT	26/08/2015	- V/v Thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của công ty tại công ty con : Công ty TNHH Quê Việt-Quảng Nam.
14	58/2015/NQ-HĐQT	17/09/2015	- V/v Thông qua kết quả đợt phát hàng tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng năm 2015.
15	63/2015/NQ-HĐQT	30/09/2015	- V/v Miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám Đốc.
16	66/2015/NQ-HĐQT	13/10/2015	- V/v Miễn nhiệm thành viên HĐQT.
17	73/2015/NQ-HĐQT	30/12/2015	- V/v thông qua phương án đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ Phần Thủy Sản Viễn Đông.

- c) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có.
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/VLD
			Cá nhân	Đại diện	
1	Nguyễn Thị Phương	Trưởng BKS	0	0	0
2	Lê Đức Minh	Thành viên BKS	0	0	0
3	Nguyễn Đình Quyết	Thành viên BKS	0	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực thi nhiệm vụ được quy định, phân công kiểm soát, đánh giá từng hoạt động chuyên sâu. Các hoạt động của Ban Kiểm soát được tiến hành một cách chủ động theo qui định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

Số cuộc họp của Ban kiểm soát: 02 cuộc họp

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm của Công ty, báo cáo kiểm toán và danh sách các bút toán điều chỉnh của kiểm toán.
- Thẩm tra kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế, kế toán và các chính sách hiện hành.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư
- Giám sát về việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát và Kế toán trưởng công ty

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc tạo mọi điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Nội dung	Thu lao năm 2014 (Đồng)	Ghi chú
Hội đồng quản trị	120.000.000	
Ban kiểm soát	72.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu phát sinh trong kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Cổ đông lớn	0	0,00%	2.335.270	6,23%	0	0,00%	Mua, bán
2	CTCP Quản lý quỹ Đầu tư Sao Vàng	Cổ đông lớn	0	0,00%	14.000.000	18,67%	0	0,00%	Mua, bán

c) Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty). Không có

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VII. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Tổ chức kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội

Văn Phòng giao dịch: Phòng 1407, Tòa nhà 137 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 62859 222 Fax : (84-4) 62859 111

Website : www.acc.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015:

Số: 2303/2016/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2016, từ trang 3 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

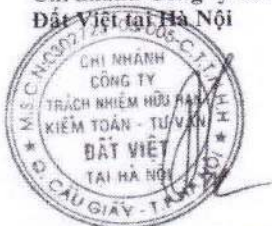
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội



HOÀNG ĐÌNH HẢI - Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2015-037-1

NGUYỄN NGỌC TỬ - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2305-2014-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.324.934.406.207	442.270.927.353
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		390.255.460.387	70.310.820.063
1. Tiền	111	V.1	23.255.460.387	70.310.820.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		367.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.11a	9.610.311.000	2.752.298.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		10.632.280.522	380.156.522
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.021.969.522)	(287.858.022)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.660.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		900.358.204.017	363.475.897.482
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	150.988.681.442	239.946.001.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		440.784.903.590	72.896.747.633
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	194.700.000.000	10.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	123.809.366.595	50.854.165.172
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9.924.747.610)	(10.721.017.078)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	21.375.345.887	2.389.360.030
1. Hàng tồn kho	141		21.375.345.887	2.389.360.030
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.335.084.916	3.342.551.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	8.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.265.180.876	3.305.235.724
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.14	61.904.040	37.315.554
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		563.162.948.482	629.698.805.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		69.500.000.000	658.307.697
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	69.500.000.000	658.307.697
II. Tài sản cố định	220		785.769.244	5.706.002.341
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	746.236.986	5.589.627.062
- Nguyên giá	222		4.580.401.125	9.281.618.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.834.164.139)	(3.691.991.463)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	39.532.258	116.375.279
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(635.778.841)	(558.935.820)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	-	91.231.587.676
- Nguyên giá	231		-	91.231.587.676
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	180.775.389.277	175.152.225.389
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		180.775.389.277	175.152.225.389
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11b	312.101.789.961	259.703.583.340
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		257.381.789.961	119.983.583.340
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		54.720.000.000	139.720.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	97.247.099.257
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	-	63.122.099.257
5. Lợi thế thương mại	269		-	34.125.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.888.097.354.689	1.071.969.733.053

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		172.612.177.229	126.832.395.096
I. Nợ ngắn hạn	310		172.088.369.879	126.832.395.096
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.749.182.442	43.952.202.311
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		96.972.955.180	4.529.754.014
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.213.178.271	11.949.966.888
4. Phải trả người lao động	314		767.203.363	522.097.254
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	150.000.000	953.023.158
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.236.587.190	697.175.877
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	59.496.217.767	64.206.129.928
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		503.045.666	22.045.666
II. Nợ dài hạn	330		523.807.350	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		523.807.350	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.715.485.177.460	945.137.337.957
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.715.485.177.460	945.137.337.957
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	1.500.000.000.000	750.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	750.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	49.666.628.000	49.844.528.000
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.17	(32.582.949.816)	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	174.234.922.489	100.547.363.482
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		100.047.363.482	8.879.321.550
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		74.187.559.007	91.668.041.932
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.166.576.787	44.745.446.475
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.888.097.354.689	1.071.969.733.053

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
5. Ngoại tệ các loại USD		972,7	940,69



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		659.671.082.150	394.873.128.077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	659.671.082.150	394.873.128.077
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	627.981.714.840	348.796.503.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.689.367.310	46.076.624.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	66.962.532.859	29.899.780.485
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.960.670.596	6.658.366.002
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.600.457.551	6.404.246.044
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		8.141.146.341	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	393.489.090	196.540.470
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.579.814.718	9.382.051.082
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.859.072.106	59.739.447.189
12. Thu nhập khác	31	VI.7	842.589.685	41.897.011.618
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.911.142.404	2.906.603.854
14. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(1.068.552.719)	38.990.407.764
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.790.519.387	98.729.854.953
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	8.692.218.531	7.663.626.681
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		523.807.350	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		75.574.493.506	91.066.228.272
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		75.089.338.380	91.665.876.661
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		485.155.126	(599.648.389)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	701	1.774
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		84.790.519.387
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.198.435.987
- Các khoản dự phòng	03		(62.157.968)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(74.067.960.226)
- Chi phí lãi vay	06		6.600.457.551
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.459.294.731
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(264.669.133.134)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.985.985.857)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54.080.658.210
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		851.203.903
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(10.252.124.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.600.457.551)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.663.626.681)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(234.799.170.379)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.277.597.097)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(227.610.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		43.410.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(69.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		102.281.872.572
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.910.297.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(160.785.427.320)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		753.822.100.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(32.582.949.816)
3. Tiền thu từ đi vay	33		206.521.999.107
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(211.231.911.268)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		715.529.238.023
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		319.944.640.324
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		70.310.820.063
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	390.255.460.387



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Quảng Nam được đổi tên từ Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp.

Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo Giấy chứng nhận thay đổi kinh doanh lần thứ 14, Công ty đã đổi tên từ Công CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn thành Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam, và chuyển trụ sở chính về Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 15 số 4000386181 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác...); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm); Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Khai thác quặng đồng; Khai thác quặng sắt; Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại); Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại); Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất bột giấy, giấy và bia; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Bán buôn giấy các loại; Hoạt động viễn thông có dây; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Hoạt động viễn thông không dây; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm)...

Công ty có trụ sở chính tại : Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

2. Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam

- * Địa chỉ: Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 75%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 75%

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam

- * Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 98,04%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 98,04%

3. Công ty liên kết được hợp nhất

Công ty Cổ phần Đầu tư Develyn

- * Địa chỉ: Số 9 Lê Duẩn, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 49%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 49%

Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng

* Địa chỉ: Số 231 - Đ. Nguyễn Trãi - P. Thượng Đình - Q. Thanh Xuân - TP. Hà Nội.

* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 20,00%

* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 20,00%

Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam

* Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, Quảng Nam

* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 33.33%

* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 33.33%

Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ

* Địa chỉ: Thôn Hy Thế, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, Bình Định

* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 25%

* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2015: 25%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT_BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy tính.

3. Áp dụng chính sách kế toán mới

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty áp dụng lập theo các Thông tư nêu trên. Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT_BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi khi áp dụng các thông tư nêu trên và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số VII.6 của Báo cáo tài chính năm 2015.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 -25
Máy móc và thiết bị	06- 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 -12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 -05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 -07

5. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Khấu hao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

(iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

Các khoản vay trong kỳ được thanh toán thẳng cho các nhà cung cấp. Do đó dòng tiền vay thanh toán trực tiếp không được trình bày trên Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.

12. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	1.526.107.076	17.099.992.407
Tiền gửi ngân hàng	21.729.353.311	53.210.827.656
Các khoản tương đương tiền (*)	367.000.000.000	-
Cộng	<u>390.255.460.387</u>	<u>70.310.820.063</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thủ đô theo hợp đồng tiền gửi số 23072015/TĐ - XMQN ngày 23/07/2015; kỳ hạn 03 tháng, với lãi suất 4%/năm, tự động gia hạn tại ngày đáo hạn.

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	150.988.681.442	239.946.001.755
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn	119.750.395.000	4.334.400.000
- Công ty CP DT&DV Công nghiệp Thái Nguyên	-	103.786.619.280
- Công ty CP Phát triển phân bón Đình Vũ	-	34.787.020.000
- Công ty CP Xây dựng và Thương Mại Đà Trung	473.377.696	66.741.807.696
- Các khách hàng khác	30.764.908.746	30.296.154.779
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>150.988.681.442</u>	<u>239.946.001.755</u>

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Cho vay cá nhân	134.700.000.000	10.500.000.000
- Công ty CP Khai Thác và Chế Biến Khoáng Sản Quảng Nam	60.000.000.000	-
Cộng	194.700.000.000	10.500.000.000

(*) Các khoản cho vay cá nhân và công ty vay theo các Hợp đồng vay với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 9-10%/năm.

4. Phải thu khác

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	123.809.366.595	-	50.854.165.172	-
- Phải thu về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty CP Đầu tư Develyn (Trần Hữu Tuấn)	100.000.000.000	-	25.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Develyn	5.620.869.241	-	-	-
- Võ Phạm Thị Thương	-	-	5.053.000.000	-
- Phải thu tiền lãi cho vay ngắn hạn	6.139.972.221	-	203.769.135	-
- Công ty Cp Khai Thác Và Chế Biến Khoáng Sản Quảng Nam	9.040.000.000	-	6.900.000.000	-
+Đặt cọc mua mỏ khoáng sản	6.900.000.000	-	6.900.000.000	-
+Lãi tiền vay ngắn hạn	2.140.000.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược	134.048.958	-	277.502.075	-
- Tạm ứng	1.639.967.280	-	9.851.331.474	-
- Phải thu khác	1.234.508.895	-	3.568.562.488	-
b. Dài hạn	69.500.000.000	-	658.307.697	-
- Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Bắc Trường Lợi (*)	69.500.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	658.307.697	-
Cộng	193.309.366.595	-	51.512.472.869	-

Trong đó Phải thu khác là bên liên quan:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty CP Đầu tư Develyn	5.620.869.241	-

(*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0106/2015 ngày 01 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Cao su Quảng Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bắc Trường Lợi về việc hai bên Hợp tác khai thác mỏ đá tại Hương Sơn Hà Tĩnh. Tổng số vốn đầu tư của dự án là 100 tỷ VND, trong đó Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam (là Công ty con của Công ty cổ phần Đầu tư cao su Quảng Nam) góp 69,5 tỷ VND, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bắc Trường Lợi góp 30,5 tỷ VND. Lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ vốn góp giữa 2 bên.

5. Hàng tồn kho

<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
-----------------	----------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	339.849.695	-	2.387.040.030	-
- Công cụ, dụng cụ	1.655.000	-	2.320.000	-
- Hàng hóa	21.033.841.192	-	-	-
Cộng	21.375.345.887	-	2.389.360.030	-

6. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án trồng cao su	169.771.764.466	150.230.309.912
Dự án cao ốc D' Evelyn (Lotus Plaza)	-	13.389.281.565
Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.910.019.214	8.910.019.214
Dự án khoáng sản	1.735.222.514	1.735.222.514
Khu du lịch nghỉ dưỡng	-	529.009.101
Dự án tái chế nhựa	86.358.000	86.358.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	272.025.083	272.025.083
Cộng	180.775.389.277	175.152.225.389

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	327.910.025	1.888.972.159	4.811.553.023	348.437.168	1.904.746.150	9.281.618.525
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.701.217.400)	-	-	(4.701.217.400)
Số dư cuối năm	327.910.025	1.888.972.159	110.335.623	348.437.168	1.904.746.150	4.580.401.125
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	46.523.595	1.173.608.344	259.078.503	308.034.871	1.904.746.150	3.691.991.463
Khấu hao trong năm	37.218.876	227.009.412	830.677.410	26.687.268	-	1.121.592.966
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(979.420.290)	-	-	(979.420.290)
Số dư cuối năm	83.742.471	1.400.617.756	110.335.623	334.722.139	1.904.746.150	3.834.164.139
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	281.386.430	715.363.815	4.552.474.520	40.402.297	-	5.589.627.062
Tại ngày cuối năm	244.167.554	488.354.403	-	13.715.029	-	746.236.986

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại 31/12/2015 là: 2.267.322.578 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	675.311.099	675.311.099
Số dư cuối năm	675.311.099	675.311.099
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	558.935.820	558.935.820
Khấu hao trong năm	20.000.004	20.000.004
Số dư cuối năm	635.778.841	635.778.841
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	116.375.279	116.375.279
Tại ngày cuối năm	39.532.258	39.532.258

Nguyên giá của tài sản cố định Vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại 31/12/2015 là: 470.111.099 VND.

9. Bất động sản đầu tư

Trong kỳ Công ty thanh lý một phần vốn góp tại Công ty CP Đầu tư Develyn dẫn tới chuyển đổi từ Công ty con thành Công ty liên kết. Do đó Bất động sản đầu tư giảm do không hợp nhất đơn vị này.

10. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
a. Ngắn hạn	8.000.000	-
- Chi phí thuê văn phòng	8.000.000	
b. Dài hạn	-	63.122.099.257,0
- Chi phí phân bổ dài hạn của VP Đà Nẵng	-	11.016.021
- Chi phí thuê đất	-	63.111.083.236
Cộng	8.000.000	63.122.099.257

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

11. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
- Tổng giá trị Cổ phiếu	10.632.280.522	9.860.311.000	(1.021.969.522)	380.156.522
+ Cổ phiếu Công ty CP DV và Dầu khí Cửu Long (PCT)	2.575.000.000	2.825.000.000	-	-
+ Cổ phiếu Công ty CP SIMCO Sông Đà (SDA)	4.052.530.522	3.560.361.000	(492.169.522)	-
+ Cổ phiếu Công ty CP MHC (MHC)	3.654.750.000	3.388.950.000	(265.800.000)	-
+ Cổ phiếu Công ty TM & DV Dầu khí Vũng Tàu (VMG)	350.000.000	86.000.000	(264.000.000)	350.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Vạn Phát Hưng (VPH)	-	-	-	30.156.522
Cộng	10.632.280.522	9.860.311.000	(1.021.969.522)	380.156.522
				92.298.500
				(287.858.022)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>b1. Ngắn hạn</i>	-	-	2.660.000.000	2.660.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.660.000.000	2.660.000.000
<i>b2. Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	-	-	2.660.000.000	2.660.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
* Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	249.240.643.620	136.324.700.000	-	123.931.564.000
- Công ty CP Cao Su Sao Vàng (SRC)	115.240.643.620	136.324.700.000	-	119.983.583.340
- Công ty CP Develyn	49.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	60.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ	25.000.000.000	-	-	-
* Lãi Công ty liên kết	8.141.146.341	-	-	-
* Đầu tư vào đơn vị khác	54.720.000.000	-	-	139.720.000.000
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	-	-	-	60.000.000.000
- Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ	-	-	-	25.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Su Miền Nam	54.720.000.000	-	-	54.720.000.000
Cộng	312.101.789.961	136.324.700.000	-	259.703.583.340
				123.931.564.000

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2015. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
- Công ty CP Cao Su Sao Vàng (SRC)	Thanh Xuân, Hà Nội	20%	20%	Kinh doanh cao su
- Công ty CP Develyn	Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng	49%	49%	Xây dựng, vận tải, dịch vụ
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	Khu 5, Thị trấn ái Nghĩa, Huyện Đại Lộc, Quảng Nam	33,33%	33,33%	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
- Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ	Thôn Hy Thế, Xã Hoài Châu Bắc, Huyện Hoài Nhơn, Bình Định	25%	25%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cát tạo đá và hoàn thiện đá
- Công ty CP Đầu tư Cao Su Miền Nam	13 Lê Văn Tách, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	19%	19%	Trồng cao su; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	59.496.217.767	59.496.217.767	108.521.999.107	113.231.911.268	64.206.129.928	64.206.129.928
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	-	1.471.637.738	1.471.637.738	1.471.637.738
Ngân hàng TMCP Đông Á Quảng Nam	-	-	-	1.471.637.738	1.471.637.738	1.471.637.738
Vay Margin Công ty chứng khoán	59.496.217.767	59.496.217.767	108.521.999.107	111.660.273.530	62.634.492.190	62.634.492.190
Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) (*)	16.807.031.426	16.807.031.426	51.029.857.015	40.620.826.891	6.398.001.302	6.398.001.302
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) (**)	3.272.328.816	3.272.328.816	4.957.323.216	5.669.736.963	3.984.742.563	3.984.742.563
Chi nhánh Công ty CP chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) (***)	38.944.958.241	38.944.958.241	40.870.011.476	49.288.811.060	47.363.757.825	47.363.757.825
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	-	-	4.887.990.500	4.887.990.500	4.887.990.500
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (****)	471.899.284	471.899.284	6.653.966.000	6.182.066.716	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	-	-	5.010.841.400	5.010.841.400	-	-
Vay cá nhân	-	-	-	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Đình Thị Thủy Hạnh	-	-	-	100.000.000	100.000.000	100.000.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	59.496.217.767	59.496.217.767	108.521.999.107	113.231.911.268	64.206.129.928	64.206.129.928

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 31/12/2015:

(*) Vay ngắn hạn Công ty CP Chứng khoán MB theo hợp đồng đăng ký dịch vụ giao dịch chứng khoán số 062288/2010/MBS-MTK ngày 16/12/2014;

+Thời hạn: Không quá 90 ngày kể từ ngày giải ngân đối với từng khoản vay

+Lãi suất: được quy định tại từng thời điểm.

(**) Vay ngắn hạn Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng giao dịch ký quỹ số 1165/2014/SHS-GDKQ ngày 28/10/2014.

+Thời hạn: Không quá 90 ngày kể từ ngày giải ngân đối với từng khoản vay;

+Lãi suất: được quy định tại từng thời điểm.

(***) Vay ngắn hạn Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - tại Hà Nội theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ số 4432/2014/HDMR-SSIHN ngày 16/10/2014;

+Thời hạn: Không quá 90 ngày kể từ ngày giải ngân đối với từng khoản vay;

+Lãi suất: được quy định tại từng thời điểm.

(****) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Chứng khoán IB theo hợp đồng số C888888/2015/IBSC/HĐ-GDKQ ngày 25/06/2015;

+Hạn mức cho vay : 1.000.000.000 VND;

+Thời hạn: Không quá 90 ngày kể từ ngày giải ngân đối với từng khoản vay;

+Lãi suất: được quy định tại từng thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

13. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	2.749.182.442	2.749.182.442	43.952.202.311	43.952.202.311
- Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000	727.975.000	727.975.000
- Công ty CP Quảng Bình	-	-	28.014.352.000	28.014.352.000
- Công ty CP Năng Lượng TN	-	-	5.632.000.000	5.632.000.000
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn	-	-	1.640.099.066	1.640.099.066
- Công ty TNHH MTV Quê Lâm Miền Trung	372.575.000	372.575.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Sản Xuất TN	-	-	5.730.925.942	5.730.925.942
- Các khách hàng khác	1.648.632.442	1.648.632.442	2.206.850.303	2.206.850.303
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.749.182.442	2.749.182.442	43.952.202.311	43.952.202.311

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Phải thu đầu năm	Phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu cuối năm	Phải nộp cuối năm
	Thuế giá trị gia tăng	-	4.243.773.408	332.613.481	4.108.068.369	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	19.231.359	19.231.359	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.231.663	7.663.626.681	8.692.218.531	7.663.626.681	5.231.663	8.692.218.531
Thuế thu nhập cá nhân	-	42.566.799	90.561.372	144.126.687	24.588,486	13.589.970
Thuế tài nguyên	32.083,891	-	-	-	32.083,891	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	39.051.250	-	-	39.051.250
Cộng	37.315.554	11.949.966.888	9.176.675.993	11.938.053.096	61.904.040	9.213.178.271

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí thuê đất	-	839.386.795
Chi phí phải trả khác	150.000.000	113.636.363
Cộng	150.000.000	953.023.158

16. Phải trả khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	2.236.587.190	697.175.877
- Kinh phí công đoàn	127.105.080	99.546.331
- Bảo hiểm xã hội	3.247.140	12.210.430
- Bảo hiểm Y tế	2.122.530	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.385.124	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	431.626.740	431.626.740
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.664.100.576	153.792.376
b. Dài hạn	-	-
Cộng	2.236.587.190	697.175.877

17. Vốn chủ sở hữu

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC					
Số dư đầu năm	375.000.000.000	50.000.000.000	-	8.879.321.550	433.879.321.550
Tăng vốn	375.000.000.000	(155.472.000)		-	374.844.528.000
Lãi trong năm	-			91.665.876.661	91.665.876.661
Tăng khác	-			2.165.271	2.165.271
Số dư cuối năm	750.000.000.000	49.844.528.000	-	100.547.363.482	900.391.891.482
NĂM NAY					
Số dư đầu năm	750.000.000.000	49.844.528.000	-	100.547.363.482	900.391.891.482
Tăng vốn (*)	750.000.000.000	(177.900.000)	(32.582.949.816)	-	717.239.150.184
Lãi trong năm	-			75.574.493.506	75.574.493.506
Phân phối lợi nhuận (**)	-			(500.000.000)	(500.000.000)
Giảm do hợp nhất	-			(1.386.934.499)	(1.386.934.499)
Số dư cuối năm	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	174.234.922.489	1.691.318.600.673

(*)Tăng vốn do phát hành thêm: 75.000.000 cổ phần tương ứng với 750 tỷ VND căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2014 số 78/2014/NQ/ĐHCĐBT của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 038/2015/NQ-HĐQT ngày 22/7/2015 đã thông qua kết quả đợt chào bán cổ phần và xử lý số cổ phiếu lẻ và cổ phần chưa chào bán hết trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

(**) Trong năm 2015, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 14/VHG – NQ năm 2014 ngày 26 tháng 03 năm 2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

17.2. Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>Đầu năm</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	75.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.000.000	75.000.000
Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	75.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.010.230	-
Cổ phiếu phổ thông	4.010.230	-
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	145.989.770	75.000.000
Cổ phiếu phổ thông	145.989.770	75.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	659.671.082.150	394.873.128.077
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	659.671.082.150	394.873.128.077
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	659.671.082.150	394.873.128.077

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ	627.981.714.840	348.796.503.819
Cộng	627.981.714.840	348.796.503.819

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.331.518.560	6.708.984.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.738.954.280	-
Chiết khấu thanh toán	-	57.237.341
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.542.864	33.558.944
Lãi đầu tư cổ phiếu	1.037.379.000	-
Lãi từ chuyển nhượng vốn	45.500.000.000	23.100.000.000
Lãi thoái vốn trên Báo cáo tài chính hợp nhất	1.353.138.155	-
Cộng	66.962.532.859	29.899.780.485

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	6.600.457.551	6.404.246.044
Lỗ chênh lệch tỷ giá	635.113	29283442
Lỗ đầu tư cổ phiếu	5.222.482.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	734.111.500	-
Chi phí tài chính khác	402.984.432	224.836.516
Cộng	12.960.670.596	6.658.366.002

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.489.090	196.540.470
Cộng	393.489.090	196.540.470

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.060.959	246.188.571
Chi phí nhân công	2.869.924.160	2.837.525.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	965.280.178	990.708.407
Chi phí dự phòng	(796.269.468)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.299.548.807	1.601.699.235
Lợi thế thương mại	-	875.000.000
Chi phí khác bằng tiền	2.990.270.082	2.830.929.131
Cộng	7.579.814.718	9.382.051.082

7. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	842.589.685	41.897.011.618
Thanh lý tài sản cố định	3.202.890	1.205.404.304
Thu nhập từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	37.500.000.000
Thu nhập khác	839.386.795	3.191.607.314
Chi phí khác	1.911.142.404	2.906.603.854
Chi phí Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	1.718.430.221
Các khoản phạt	1.143.929.802	663.844.170
Chi phí khác	767.212.602	524.329.463
Lợi nhuận khác	(1.068.552.719)	38.990.407.764

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	84.790.519.387	98.729.854.953
Điều chỉnh tăng	2.961.782.986	5.660.784.185
Chi phí không được trừ	1.750.232.446	1.354.685.603
Các khoản tăng khác	1.211.550.540	4.306.098.582
Điều chỉnh giảm	18.614.181.278	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.738.954.280	-
Các khoản giảm khác	11.875.226.998	-
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	69.138.121.095	104.390.639.138
Lỗ năm trước chuyển sang	(291.622.392)	(346.635.665)
Tổng thu nhập chịu thuế sau trừ chuyển lỗ	68.846.498.703	104.044.003.473
Thu nhập được miễn thuế (*)	(29.873.496.720)	(69.209.336.738)
Thu nhập chịu thuế của công ty	38.973.001.983	34.834.666.735
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.574.060.436	7.663.626.681
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	118.158.095	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.692.218.531	7.663.626.681

(*) Đây là khoản thu nhập của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty được thành lập từ dự án đầu tư mới trên địa bàn đặc biệt khó khăn theo qui định liên quan về thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	75.089.338.380	91.665.876.661
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	75.089.338.380	91.665.876.661
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	107.141.289	51.678.082
	701	1.774

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Trong năm 2015, Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2013. Năm 2014 và năm 2015, Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế năm 2014 và năm 2015 do đó không có số liệu trình bày.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.060.959	3.361.120.571
Chi phí nhân công	2.869.924.160	4.664.766.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.198.435.987	937.243.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.693.037.897	2.461.757.195
Chi phí khác	5.389.310.082	2.260.490.837
Cộng	<u>11.401.769.085</u>	<u>13.685.378.414</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Mối quan hệ của các bên liên quan trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Develyn	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Sao Vàng	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Công ty CP Cao su Sao Vàng	Thu cổ tức	10.691.056.500

Số dư với bên liên quan tại ngày 31/12/2015

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Develyn	Phải thu khác	5.620.869.241	-

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	360.000.000	360.000.000
Cộng	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>

2. Báo cáo bộ phận

Trong kỳ, hoạt động hiện tại chủ yếu là buôn bán thương mại. Do đó thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Công ty mẹ và các công ty con đều có hoạt động kinh doanh thương mại tại tỉnh Quảng Nam, do đó không trình bày theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty trong năm là kinh doanh thương mại mặt hàng phân bón, mù cao su, hạt điều và các mặt hàng khác. Báo cáo Bộ phận được trình bày như sau:

	Mặt hàng phân bón	Mặt hàng mù cao su	Mặt hàng hạt điều	Các mặt hàng khác	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	423.933.425.000	88.293.453.650	74.881.559.600	72.562.643.900	659.671.082.150
Khấu hao và chi phí phân bổ	423.865.050.000	68.153.539.401	63.404.024.089	72.559.101.350	627.981.714.840
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	68.375.000	20.139.914.249	11.477.535.511	3.542.550	31.689.367.310
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	7.973.303.808
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	66.962.532.859
Chi phí tài chính	-	-	-	-	12.960.670.596
Thu nhập khác	-	-	-	-	842.589.685
Chi phí khác	-	-	-	-	1.911.142.404
Lợi nhuận từ Công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	8.141.146.341
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	84.790.519.387
Chi phí thuế	-	-	-	-	9.216.025.881
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	75.574.493.506
TÀI SẢN					
Tài sản bộ phận	236.125.970.000	44.673.377.696	-	1.639.780.824	282.439.128.520
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.605.658.226.169
Tổng tài sản	-	-	-	-	1.888.097.354.689
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả bộ phận	96.663.045.404	-	-	654.306.400	96.663.045.404
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	75.949.131.825
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	172.612.177.229

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	390.255.460.387	70.310.820.063
Phải thu khách hàng và phải thu khác	344.298.048.037	280.737.457.546
Đầu tư ngắn hạn	9.610.311.000	2.752.298.500
Đầu tư dài hạn	312.101.789.961	259.703.583.340
Tài sản tài chính khác		
Cộng	1.056.265.609.385	613.504.159.449
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	59.496.217.767	64.206.129.928
Phải trả người bán và phải trả khác	4.985.769.632	44.649.378.188
Chi phí phải trả	150.000.000	953.023.158
Cộng	64.631.987.399	109.808.531.274

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3.2. Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Các khoản vay	59.496.217.767	-	59.496.217.767
Phải trả người bán và phải trả khác	4.985.769.632	-	4.985.769.632
Chi phí phải trả	150.000.000	-	150.000.000
Cộng	64.631.987.399	-	64.631.987.399
Số dư đầu năm			
Các khoản vay	64.206.129.928	-	64.206.129.928
Phải trả người bán và phải trả khác	44.649.378.188	-	44.649.378.188
Chi phí phải trả	953.023.158	-	953.023.158
Cộng	109.808.531.274	-	109.808.531.274
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	390.255.460.387	-	390.255.460.387
Phải thu khách hàng và phải thu khác	274.798.048.037	69.500.000.000	344.298.048.037
Đầu tư ngắn hạn	9.610.311.000	-	9.610.311.000
Đầu tư dài hạn	-	312.101.789.961	312.101.789.961
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	674.663.819.424	381.601.789.961	1.056.265.609.385
Số dư đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.310.820.063	-	70.310.820.063
Phải thu khách hàng và phải thu khác	280.737.457.546	-	280.737.457.546
Đầu tư ngắn hạn	2.752.298.500	-	2.752.298.500
Đầu tư dài hạn	-	259.703.583.340	259.703.583.340
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	353.800.576.109	259.703.583.340	613.504.159.449

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

4. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2015.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có sự kiện phát sinh sau năm tài chính cần cần trình bày trên báo cáo tài chính.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu Năm nay. Cụ thể:

Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	
Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh	Mã số Tên khoản mục Số sau điều chỉnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn
121	1. Đầu tư ngắn hạn	13.540.156.522	121 1. Chứng khoán kinh doanh 380.156.522
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(287.858.022)	122 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (287.858.022)
			123 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn 2.660.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn
131	1. Phải thu khách hàng	239.946.001.755	131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng 239.946.001.755
132	2. Trả trước cho người bán	72.896.747.633	132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn 72.896.747.633
			135 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn 10.500.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác	40.725.331.623	136 6. Phải thu ngắn hạn khác 50.854.165.172
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	10.128.833.549	150 V. Tài sản ngắn hạn khác
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	10.128.833.549	155 5. Tài sản ngắn hạn khác -
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		210 I. Các khoản phải thu dài hạn
218	4. Phải thu dài hạn khác	658.307.697	216 6. Phải thu dài hạn khác 658.307.697
220	II. Tài sản cố định		220 II. Tài sản cố định
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	175.152.225.389	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

300	A. NỢ PHẢI TRẢ	240	IV. Tài sản dở dang dài hạn
310	I. Nợ ngắn hạn	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	300	C. NỢ PHẢI TRẢ
312	2. Phải trả người bán	310	I. Nợ ngắn hạn
313	3. Người mua trả tiền trước	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn
315	5. Phải trả người lao động	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn
316	6. Chi phí phải trả	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	314	5. Phải trả người lao động
330	II. Nợ dài hạn	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	319	10. Phải trả ngắn hạn khác
410	I. Vốn chủ sở hữu	330	II. Nợ dài hạn
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU
		410	I. Vốn chủ sở hữu
		411	1. Vốn góp của chủ sở hữu
		411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
		421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước
		421b	- LNST chưa phân phối kỳ này
		31	11. Thu nhập khác
		32	12. Chi phí khác

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

31	11. Thu nhập khác	44.691.607.314
32	12. Chi phí khác	5.701.199.550



Kỳ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu